

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2024/HNGĐ – ST**

Ngày: 14-5-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, về *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ 9, Ấp 6, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Trại giam Đắc P. Lao – xã Đắc Som, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2022, đơn sửa đổi đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2024, và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn vợ chồng có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 12 tháng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Ấp 6, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Nay nhận thấy vợ chồng không sống chung được nữa, do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 01/9/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 04/4/2014. Ngoài ra, vợ chồng bà không có nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 hai. Không yêu cầu ông Ân cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Hoàng A trình bày:**

Thống nhất như lời trình bày trên của bà Hiền về quan hệ hôn nhân, về con và về nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà Hiền yêu cầu ly hôn thì ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Hiền

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ông (ông bà nội của hai cháu) được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A .

+ Về con: Bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 01/9/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 04/4/2014

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn – bà Phạm Thị Thu H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng A đăng ký thường trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1990 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà Hiền và ông Ân là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Hiền và ông Ân cùng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà Hiền có yêu cầu ly hôn, đồng thời ông Ân cũng đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hiền.

[2] Về con: Bà Hiền và ông Ân có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 01/9/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 04/4/2014. Mặc dù các con có nguyện vọng được ở cùng với ông Ân. Tuy nhiên, xét thấy hiện ông Ân đang thi hành án phạt tù, vì vậy cần giao 02 con cho bà Hiền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng: Không có yêu cầu, nên không xem xét

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Hiền phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị Thu H

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A

- Về con: Bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con 02 chung tên Nguyễn Thị Ngọc Quyên, sinh ngày 01/9/2010 và Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh, sinh ngày 04/4/2014

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/ Về cấp dưỡng: Không xem xét

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Hiền đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006118 ngày 13/3/2024.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thái
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngọc Loan Trần Xuân Đạm

Trần Quang Minh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Điền;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Đạm

Lâm Mây

Trần Quang Minh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Văn Trường;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh